

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019-2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **08:00, 18/7/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C11**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000001	0450080086	23/07/1997	Nguyễn Tấn Phát	83	415	10.0	8.6	Miễn AV1&AV2	04_ĐHCNTT_2
2	000002	0450080104	22/09/1997	Dương Ngọc Thạch		0			Chưa đạt	04_ĐHCNTT_2
3	000003	0450100106	17/03/1997	Nguyễn Phước Huy	82	410	10.0	8.4	Miễn AV1&AV2	04_ĐHĐCMT_1
4	000004	0350100010	19/03/1996	Đào Mạnh Cường		0			Chưa đạt	04_ĐHĐKT_1
5	000005	0450100018	05/11/1997	Mai Đức Dũng	94	470	10.0	10.0	Miễn AV1&AV2	04_ĐHĐKT_1
6	000006	0450100113	16/07/1996	Nguyễn Hồng Phúc		0			Chưa đạt	04_ĐHĐKT_1
7	000007	0450100036	13/01/1997	Khổng Minh Huân	91	455	10.0	10.0	Miễn AV1&AV2	04_ĐHĐKT_2
8	000008	0450100082	18/12/1997	Lê Thái Phong	86	430	10.0	9.2	Miễn AV1&AV2	04_ĐHĐKT_2
9	000009	0450010013	25/11/1997	Văng Văn Sơn Em	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	04_ĐHKT_1
10	000010	0450020185	01/02/1997	Nguyễn Thành Nghĩa	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	04_ĐHMT_4
11	000011	0450020006	15/12/1997	Nguyễn Văn Anh	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	04_ĐHQLMT_1
12	000012	0450020314	28/03/1997	Võ Minh Toàn		0			Chưa đạt	04_ĐHQLMT_2
13	000013	0450030004	24/02/1997	Võ Quốc Bảo	77	385	9.4	7.1	Miễn AV1&AV2	04_ĐHTĐ_1
14	000014	0450030026	18/07/1996	Võ Tấn Hiệp	59	295	5.3	4.2	Học AV2	04_ĐHTĐ_1
15	000015	0450030092	20/09/1996	Trần Phương Đoan Thanh	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	04_ĐHTĐ_2
16	000016	0450030118	07/09/2020	Nguyễn Thị Diệu Huệ	53	265	4.7	3.8	Học AV1	04_ĐHTĐ_3
17	000017	0450030126	13/07/1997	Trần Hoài Thịnh	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	04_ĐHTĐ_3
18	000018	0450030140	01/04/1996	Trần Văn Trường	75	375	9.0	6.5	Miễn AV1&AV2	04_ĐHTĐ_3
19	000019	0550140026	26/03/1998	Lê Nguyễn Yến Nhi	86	430	10.0	9.2	Miễn AV1&AV2	05_ĐHBĐKH
20	000020	0550060055	09/08/1998	Hồ Thị Thanh Ngân		0			Chưa đạt	05_ĐHCTN_2
21	000021	0550060069	23/05/1998	Mai Tấn Sang	93	465	10.0	10.0	Miễn AV1&AV2	05_ĐHCTN_2

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
22	000022	0550100008	19/01/1998	Lý Tùng Đạt	94	470	10.0	10.0	Miễn AV1&AV2	05_ĐHĐC
23	000023	0550100006	20/09/1998	Nguyễn Xuân Duy	88	440	10.0	9.6	Miễn AV1&AV2	05_ĐHĐC
24	000024	0550100010	11/11/1998	Nguyễn Thị Châu Giang	71	355	8.2	5.3	Miễn AV1&AV2	05_ĐHĐC
25	000025	0550100013	16/12/1997	Phùng Ngọc Hân	45	225	3.9	3.2	Học AV1	05_ĐHĐC
26	000026	0550100017	20/07/1997	Lê Văn Hiếu	51	255	4.6	3.6	Học AV1	05_ĐHĐC
27	000027	0550100036	11/02/1998	Nguyễn Kim Ngân	80	400	10.0	8.0	Miễn AV1&AV2	05_ĐHĐC
28	000028	0550100051	17/01/1998	Huỳnh Đăng Thảo	40	200	3.4	2.9	Học AV1	05_ĐHĐC
29	000029	0550100056	20/05/1998	Nguyễn Thanh Thuý	65	325	6.8	4.6	Học AV2	05_ĐHĐC
30	000030	0550100059	04/03/1998	Nguyễn Minh Tiến	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	05_ĐHĐC
31	000031	0550070038	11/05/1998	Nguyễn Văn Quỳnh	81	405	10.0	8.2	Miễn AV1&AV2	05_ĐHHTTT
32	000032	0550010013	09/04/1998	Trần Minh Hoàng	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	05_ĐHKT
33	000033	0550110045	20/10/1998	Tô Văn Dương	60	300	5.5	4.3	Học AV2	05_ĐHKTTN_2
34	000034	0550020003	01/05/2020	Nguyễn Đình Đức Cảnh	66	330	7.0	4.7	Học AV2	05_ĐHMT_1
35	000342	0550120046	31/01/1998	Đoàn Song An	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	05_ĐHQLTN_2
36	000343	0750040117	03/05/2000	Nguyễn Phát Đạt	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHQLĐĐ_3
37	000344	0750040118	07/08/2000	Nguyễn Bảo Đô	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQLĐĐ_3

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020



Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Trần Thị Lệ

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019-2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **08:00,18/7/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C22**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000069	0550050027	17/04/1998	Trần Đình Sang	62	310	6.0	4.4	Học AV2	05_ĐHTV
2	000070	0550100062	20/11/1998	Võ Công Trọng	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	05_ĐHTV
3	000071	0550070026	17/07/1998	Nguyễn Quốc Nam	87	435	10.0	9.4	Miễn AV1&AV2	05_HTTT
4	000072	0650140001	30/03/1999	Thái Thị Tú Anh	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_ĐHBĐKH
5	000073	0650140007	11/09/1999	Hán Thị Hồng Huế	60	300	5.5	4.3	Học AV2	06_ĐHBĐKH
6	000074	0650140010	22/12/1999	Trương Quốc Khánh	25	125	2.2	1.8	Chưa đạt	06_ĐHBĐKH
7	000075	0650140015	06/07/1999	Trần Thị Thanh Thúy	18	90	1.6	1.3	Chưa đạt	06_ĐHBĐKH
8	000076	0650140018	24/01/1999	Bùi Lễ Nam Tiến	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHBĐKH
9	000077	0650080022	09/09/1999	Nguyễn Thị Minh Nhật	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_1
10	000078	0650080027	27/08/1999	Cao Hoàng Quốc	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_1
11	000079	0650080036	30/07/1999	Nguyễn Đăng Trung	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_1
12	000080	0650080052	29/11/1999	Nguyễn Thành Dương	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_2
13	000081	0650080053	12/12/1999	Cao Trọng Hải	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_2
14	000082	0650080073	14/05/1999	Nguyễn Hoài Sơn	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_2
15	000083	0650080094	01/12/1999	Tạ Thu Hậu	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_3
16	000084	0650080129	17/06/1998	Trần Thanh Tùng	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_3
17	000085	0650060010	27/02/1999	Nguyễn Quang Hà	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_ĐHCTN
18	000086	0650060015	16/02/1999	Phạm Hoàng Kha	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_ĐHCTN
19	000087	0650060025	18/08/1999	Huỳnh Minh Nho	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_ĐHCTN
20	000088	0650060035	27/08/1999	Võ Ngọc Kim Thoa	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_ĐHCTN
21	000089	0650060036	02/04/1999	Dương Minh Thông	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_ĐHCTN
22	000090	0650060037	22/01/1999	Nguyễn Hoàn Phương Thy	42	210	3.6	3.0	Học AV1	06_ĐHCTN

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
23	000091	0650060039	07/05/1999	Phan Đức	Tín	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_DHCTN
24	000092	0650100008	01/01/1999	Hà Thị Mỹ	Linh	70	350	8.0	5.0	Miễn AV1&AV2	06_DHĐC
25	000093	0650100012	21/09/1998	Mạch Thuý	Nhã	71	355	8.2	5.3	Miễn AV1&AV2	06_DHĐC
26	000094	0650100017	26/06/1999	Trương Văn	Phi	63	315	6.3	4.5	Học AV2	06_DHĐC
27	000095	0650100017	01/07/1999	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_DHĐC
28	000096	0650100019	17/12/1999	Lý Nhật	Tân	56	280	4.9	4.0	Học AV1	06_DHĐC
29	000097	0650100013	07/07/1999	Lê Trọng	Nhân	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_DHĐCMT
30	000098	0450100024	14/02/1997	Nguyễn Khoa	Đăng	49	245	4.2	3.5	Học AV1	06_DHĐTV_1
31	000099	0650070004	23/10/1999	Nguyễn Đình	Bảo	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_DHHTTT
32	000100	0650070007	17/10/1999	Đặng Hải Huệ	Chi	50	250	4.6	3.6	Học AV1	06_DHHTTT
33	000101	0650070008	25/05/1999	Nguyễn Thị Diễm	Chi	24	120	2.1	1.7	Chưa đạt	06_DHHTTT
34	000102	0650070017	27/01/1999	Trần Nguyễn Anh	Hào	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_DHHTTT
35	000348	0750090015	22/12/2000	Bùi Duy	Linh	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_DHQTKD_1
36	000349	0550030070	05/06/1998	Tạ Hoàng	Long		0			Chưa đạt	05_DHTĐCT
37	000350	0750040134	03/05/2000	Lý Gia	Minh	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ_3

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020



Chủ tịch Hội đồng
Ký tên-Đóng dấu

Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Chị Lê
Cô Thị Lê

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019-2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **08:00,18/7/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C31**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEFL C	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000103	0650070018	07/05/1999	Lê Đình Hiếu	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
2	000104	0650070023	11/04/1999	Nguyễn Hoàng Huy	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
3	000105	0650070025	02/09/1999	Phạm Anh Khoa		0			Chưa đạt	06_ĐHHTTT
4	000106	0650070029	05/10/1992	Nguyễn Tiến Lượng	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
5	000107	0650070031	08/10/1999	Nguyễn Hoàng Minh	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
6	000108	0550070033	09/12/1996	Nguyễn Minh Nhật	25	125	2.2	1.8	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
7	000109	0650070041	10/10/1999	Đỗ Anh Thắng	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_ĐHHTTT
8	000110	0650070044	23/07/1999	Lê Duy Thùy	58	290	5.0	4.1	Học AV2	06_ĐHHTTT
9	000111	0650070048	12/07/1999	Đặng Bảo Vân	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_ĐHHTTT
10	000112	0650110031	28/10/1999	Nguyễn Minh Quân	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	06_ĐHKTTN_1
11	000113	0650110058	22/03/1999	Vũ Thị Hoa	19	95	1.6	1.4	Chưa đạt	06_ĐHKTTN_2
12	000114	0650110065	25/06/1999	Nguyễn Thị Lý	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHKTTN_2
13	000115	0650110081	22/10/1999	Võ Vũ Thành	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_ĐHKTTN_2
14	000116	0650110097	06/07/1999	Phạm Thị Bảo Yến	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_ĐHKTTN_2
15	000117	0650020001	30/03/1999	Cao Thị Thúy An	59	295	5.3	4.2	Học AV2	06_ĐHMT_1
16	000118	0650020013	11/11/1999	Phan Thế Hiền	52	260	4.7	3.7	Học AV1	06_ĐHMT_1
17	000119	0650020031	23/02/1999	Phạm Hoàng Thiên	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_ĐHMT_1
18	000120	0650020067	06/07/1999	Phan Bửu Ngọc	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHMT_2
19	000121	0650020086	10/03/1999	Nguyễn Đức Trọng	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_ĐHMT_2
20	000122	0650020113	28/08/1999	Nguyễn Thị Bích Nhung		0			Chưa đạt	06_ĐHMT_3
21	000123	0650020115	05/10/1999	Huỳnh Thị Hồng Phúc	57	285	4.9	4.1	Học AV1	06_ĐHMT_3
22	000124	0650020120	15/04/1999	Phạm Thị Kim Thoa		0			Chưa đạt	06_ĐHMT_3
23	000125	0650020129	24/08/1999	Lê Xuân Trường	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_ĐHMT_3
24	000126	0650020145	03/11/1999	Phạm Vượt Hứa Hẹn	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_ĐHMT_4

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000127	0650020149	05/10/1999	Trần Thị Thanh Lan	26	130	2.2	1.9	Chưa đạt	06_DHMT_4
26	000128	0650020150	06/02/1999	Đặng Thị Ngọc Linh	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_DHMT_4
27	000129	0650020157	22/07/1999	Nguyễn Minh Nhân	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_DHMT_4
28	000130	0650020163	22/03/1999	Tô Hoàng Thái		0			Chưa đạt	06_DHMT_4
29	000131	0650020174	16/09/2020	Bùi Nguyễn Bích Trâm	51	255	4.6	3.6	Học AV1	06_DHMT_4
30	000132	0650040141	08/11/1999	Phạm Thị Yến Nhi	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	06_DHQH
31	000133	0650130004	08/10/1999	Nguyễn Thị Phương Đoàn	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	06_DHQLBĐ
32	000134	0650130008	10/01/1999	Đỗ Thị Diễm My	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_DHQLBĐ
33	000135	0650130009	02/03/1999	Nguyễn Thị Thuý Nga	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_DHQLBĐ
34	000136	0650130023	22/10/1999	Lê Đào Anh Trung	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_DHQLBĐ
35	000351	0650120128	05/06/1999	Hồ Thị Diễm Ngọc	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_DHQLTN_3
36	000352	0650020182	10/07/1999	Đào Duy Ngọc	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_DHMT_4
37	000353	0650120232	22/01/1999	Trần Thị Thu Nguyên	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_DHQLTN_5

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu



Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Cô Thị Lệ

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019-2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **08:00, 18/7/2020**

C. Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C32**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000137	0650040013	29/12/1999	Nguyễn Văn Hưng	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_1
2	000138	0650040025	25/10/1999	Trần Xuân Nghi	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_1
3	000139	0650040032	13/12/1999	Vũ Đức Phương	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_1
4	000140	0650040051	27/12/1999	Nguyễn Thị Thu Uyên	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_1
5	000141	0650040056	26/03/1999	Đào Thị Hải Yến	58	290	5.0	4.1	Học AV2	06_DHQLĐĐ_1
6	000142	0650040091	18/12/1997	Nguyễn Tấn Phúc	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_2
7	000143	0650040096	31/01/1999	Lê Minh Tân	68	340	7.5	4.9	Học AV2	06_DHQLĐĐ_2
8	000144	0650040106	21/04/1999	Nguyễn Mạnh Trường	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_DHQLĐĐ_2
9	000145	0650040108	15/01/1999	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_2
10	000146	0650040110	14/02/1999	Ngô Đình Vương	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_2
11	000147	0650040117	23/05/1999	Nguyễn Hoàng Ngọc Đồi	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_3
12	000148	0650040139	19/02/1998	Võ Hữu Nhân	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_3
13	000149	0650040190	31/10/1999	Trần Thị Ánh Linh	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	06_DHQLĐĐ_4
14	000150	0650120013	08/11/1999	Lê Trung Hiếu		0			Chưa đạt	06_DHQLTN_1
15	000151	0650120019	23/09/1999	Nguyễn Hữu Long	88	440	10.0	9.6	Miễn AV1&AV2	06_DHQLTN_1
16	000152	0650120021	27/12/1999	Lâm Đỗ Quang Minh	88	440	10.0	9.6	Miễn AV1&AV2	06_DHQLTN_1
17	000153	0650120034	10/04/1998	Phạm Văn Sang	89	445	10.0	9.8	Miễn AV1&AV2	06_DHQLTN_1
18	000154	0650120112	10/10/1999	Võ Hữu Đức	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	06_DHQLTN_3
19	000155	0750120110	21/01/2000	Trần Thị Bích Hạnh	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	06_DHQLTN_3
20	000156	0650120122	18/06/1999	Võ Hoàng Cửu Long	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_DHQLTN_3
21	000157	0650120126	11/11/1999	Đặng Thanh Ngân	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_DHQLTN_3
22	000158	0650120146	07/11/1999	Huỳnh Thị Anh Thư	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_DHQLTN_3
23	000159	0650120149	27/04/1999	Nguyễn Ngọc Trâm	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_DHQLTN_3
24	000160	0650120176	21/06/1999	Cáp Văn Lý	49	245	4.2	3.5	Học AV1	06_DHQLTN_4

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000161	0650120180	10/08/1999	Thạch Thị Thảo	Nguyễn	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHQLTN_4
26	000162	0650120238	18/07/1999	Trần Ngọc	Phong	88	440	10.0	9.6	Miễn AV1&AV2	06_ĐHQLTN_5
27	000163	0650090011	20/05/1998	Đào Trường	Hậu	84	420	10.0	8.8	Miễn AV1&AV2	06_ĐHQTKD_1
28	000164	0650090026	09/01/1999	Phạm Minh	Nhật	85	425	10.0	9.0	Miễn AV1&AV2	06_ĐHQTKD_1
29	000165	0650090027	13/08/1998	K'	Ni	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_ĐHQTKD_1
30	000166	0650090045	05/05/1999	Lê Tường	Vy	49	245	4.2	3.5	Học AV1	06_ĐHQTKD_1
31	000167	0650090058	08/05/1999	Nguyễn Ngọc	Hào	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_ĐHQTKD_2
32	000168	0650090064	17/04/1999	Tạ Phan Đăng	Khôi	53	265	4.7	3.8	Học AV1	06_ĐHQTKD_2
33	000169	0650090071	06/11/1999	Đặng Thị Ánh	Nguyệt	47	235	4.1	3.4	Học AV1	06_ĐHQTKD_2
34	000170	0650090077	07/05/1999	Nguyễn Thị Kim	Thanh	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_ĐHQTKD_2
35	000354	0650020158	19/06/1999	Huỳnh Ngọc	Nhị	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_ĐHMT_4
36	000355	0750040157	24/09/2000	Huỳnh Thanh	Tùng	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHQLTĐ_3
37	000356	0550120175	20/12/1995	Nguyễn Thanh	Tùng	19	95	1.6	1.4	Chưa đạt	05_ĐHQLTN_4

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7... năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu



Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Cô Thị Lệ

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019-2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **08:00, 18/7/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C21**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000035	0550020217	12/05/1998	Nguyễn Quang Hoàng	23	115	2.0	1.6	Chưa đạt	05_DHMT_1
2	000036	0550020061	08/03/1998	Thái Thị Thu Hiền	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	05_DHMT_2
3	000037	0550020077	20/03/2020	Lê Thị Hồng Loan		0			Chưa đạt	05_DHMT_2
4	000038	0650020108	11/06/1999	Phạm Văn Luận	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	05_DHMT_3
5	000039	0550020151	08/05/1998	Nguyễn Cao Bảo Vi	54	270	4.8	3.9	Học AV1	05_DHMT_3
6	000040	0550020164	05/03/1998	Nông Thị Thùy Linh	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	05_DHMT_4
7	000041	0550020168	16/05/1997	Lê Thị Thu Thảo	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	05_DHMT_4
8	000042	0550020196	29/09/1996	Nguyễn Thị Phương Uyên	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	05_DHMT_4
9	000043	0550130013	11/06/1998	Phạm Thị Huệ	44	220	3.8	3.1	Học AV1	05_DHQLBĐ
10	000044	0550130015	12/03/1998	Trương Thị Thuý Huyền	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	05_DHQLBĐ
11	000045	0550130016	13/06/1998	Mai Trần Kiên	60	300	5.5	4.3	Học AV2	05_DHQLBĐ
12	000046	0550130019	02/04/1995	Đỗ Vĩnh Nguyên	40	200	3.4	2.9	Học AV1	05_DHQLBĐ
13	000047	0550130027	25/08/1998	Nguyễn Xuân Sơn	57	285	4.9	4.1	Học AV1	05_DHQLBĐ
14	000048	0550130033	26/07/1995	Bùi Thị Ngọc Triều	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	05_DHQLBĐ
15	000049	0550040019	03/08/1998	Nguyễn Thị Thu Hoài	47	235	4.1	3.4	Học AV1	05_DHQLBĐ_1
16	000050	0550120110	13/01/1998	Trần Anh Quân		0			Chưa đạt	05_DHQLTN_3
17	000051	0550120123	19/02/1998	Nguyễn Thị Minh Thư	51	255	4.6	3.6	Học AV1	05_DHQLTN_3
18	000052	0550120159	27/04/1998	Chương Đặng Phúc Nguyên		0			Chưa đạt	05_DHQLTN_4
19	000053	0550120173	20/04/1998	Đỗ Thanh Tuấn		0			Chưa đạt	05_DHQLTN_4
20	000054	0550090088	11/01/1995	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	05_DHQTKD_2
21	000055	0550090104	26/01/2020	Hồ Thị Dương Duyên	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	05_DHQTKD_3

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
22	000056	0550090116	04/11/1997	Phạm Thị Bình	Nhi	45	225	3.9	3.2	Học AV1	05_ĐHQTKD_3
23	000057	0550030054	11/10/1998	Nguyễn Trường	An	88	440	10.0	9.6	Miễn AV1&AV2	05_ĐHTĐ_2
24	000058	0550030026	24/10/1997	Trần Thúy	Linh		0			Chưa đạt	05_ĐHTĐ_2
25	000059	0550030083	07/02/1998	Võ Thị Nhật	Phượng		0			Chưa đạt	05_ĐHTĐ_2
26	000060	0550030087	28/10/1997	Lý Minh	Sang	68	340	7.5	4.9	Học AV2	05_ĐHTĐ_2
27	000061	0550030107	28/04/1998	Lê Thị Kim	Yến	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	05_ĐHTĐ_2
28	000062	0550030065	23/03/1998	Võ Đăng	Khoa	73	365	8.6	5.9	Miễn AV1&AV2	05_ĐHTĐCT
29	000063	0550030070	05/06/1998	Tạ Hoàng	Long	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	05_ĐHTĐCT
30	000064	0550030082	08/02/1998	Lâm Tiểu	Phương	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	05_ĐHTĐCT
31	000065	0550150036	22/05/1998	Tô Thị	Ny	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	05_ĐHTNN_1
32	000066	0550150072	04/06/1998	Nguyễn Lê Như	Phú		0			Chưa đạt	05_ĐHTNN_2
33	000067	0550050002	11/04/1998	Lê Hữu	Cánh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	05_ĐHTV
34	000068	0550050014	12/07/1998	Trần Huỳnh Thanh	Lan	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	05_ĐHTV
35	000345	0650040010	21/06/1999	Võ Nhật	Hào	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	06_ĐHQQLĐĐ_1
36	000346	0450080043	18/01/1997	Huỳnh Nhật	Hòa	44	220	3.8	3.1	Học AV1	04_ĐHCNTT_1
37	000347	0750090016	16/08/2000	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_1

Tp. HCM, Ngày 8 tháng 7 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu



Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Cô Thị Lê

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019 - 2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **9:30, 18/07/2020**

C. Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C31**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000273	0750120112	27/10/2000	Thạch Thanh Hoàng	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHQLTN_3
2	000274	0750120140	03/07/2000	Lê Thị Minh Trang	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQLTN_3
3	000275	0750120147	02/09/1995	Phạm Thị Hồng Anh	26	130	2.2	1.9	Chưa đạt	07_ĐHQLTN_4
4	000276	0750120152	03/08/2000	Nguyễn Thị Ngọc Hường	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_ĐHQLTN_4
5	000277	0750120157	09/10/2000	Đào Tú Linh	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_ĐHQLTN_4
6	000278	0750120175	15/07/2000	Huỳnh Nguyễn Hưng Thịnh	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQLTN_4
7	000279	0750120185	02/12/2000	Nguyễn Xuân Trường	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHQLTN_4
8	000280	0750120186	31/05/2000	Phan Phương Tuyền	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHQLTN_4
9	000281	0750090024	27/06/2000	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	75	375	9.0	6.5	Miễn AV1&AV2	07_ĐHQTKD_1
10	000282	0750090031	22/03/2000	Trần Thị Hồng Phúc	52	260	4.7	3.7	Học AV1	07_ĐHQTKD_1
11	000283	0750090054	25/10/2000	Hồ Thị Bình	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
12	000284	0750090068	03/08/2000	Phạm Hoàng Ái Liên	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
13	000285	0750090069	13/02/2000	Phạm Thị Thuỷ Linh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
14	000286	0750090073	01/02/2000	Nguyễn Thị Thùy Ngân		0			Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
15	000287	0750090086	06/02/2000	Nguyễn Ngọc Đăng Thi	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
16	000288	0750090092	29/03/2000	Đỗ Thị Ngọc Trâm	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
17	000289	0750090094	20/06/2000	Mã Minh Triều	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
18	000290	0750090096	29/01/2000	Hoàng Thị Yến Vi	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_2
19	000291	0750090103	25/05/2000	Võ Thị Hòa An	24	120	2.1	1.7	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_3
20	000292	0750090106	15/05/2000	Nguyễn Thị Ánh	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHQTKD_3
21	000293	0750090120	27/06/2000	Trần Nhật Nam	23	115	2.0	1.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_3
22	000294	0750090142	06/11/2000	Huỳnh Thanh Tiên	65	325	6.8	4.6	Học AV2	07_ĐHQTKD_3

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
23	000295	0750090149	28/05/2000	Trần Quang Vỹ		0			Chưa đạt	07_ĐHQTKD_3
24	000296	0750090155	02/02/2000	Châu Hà Kiều Anh	65	325	6.8	4.6	Học AV2	07_ĐHQTKD_4
25	000297	0750090152	14/04/2000	Trương Thị Lan Anh	56	280	4.9	4.0	Học AV1	07_ĐHQTKD_4
26	000298	0750090163	22/01/2000	Nguyễn Thị Hoài	64	320	6.5	4.6	Học AV2	07_ĐHQTKD_4
27	000299	0750090165	14/08/2000	Đinh Thị Kim Khanh	68	340	7.5	4.9	Học AV2	07_ĐHQTKD_4
28	000300	0750090168	24/01/2000	Phạm Hoàng Long	48	240	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTKD_4
29	000301	0750090170	25/01/2000	Trần Kim Ngân	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_4
30	000302	0750090171	04/06/2000	Trần Thị Kim Ngân	55	275	4.8	3.9	Học AV1	07_ĐHQTKD_4
31	000303	0750090181	27/05/2000	Phạm Thị Ngọc Quyên	52	260	4.7	3.7	Học AV1	07_ĐHQTKD_4
32	000304	0750090186	15/01/2000	Nguyễn Thị Thu Thủy	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHQTKD_4
33	000305	0750090185	13/12/1999	Nguyễn Thị Đào Tiên	55	275	4.8	3.9	Học AV1	07_ĐHQTKD_4
34	000306	0750090200	12/02/2000	Phạm Thị Kiều Yến	60	300	5.5	4.3	Học AV2	07_ĐHQTKD_4

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh



Huỳnh Duyên

Vũ Xuân Cường

Vũ Xuân Cường

Chị Lê

Cô Chi Lê

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019 - 2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **9:30, 18/07/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C11**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000171	0650090103	27/10/1999	Nguyễn Thành Hiếu	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	06_ĐHQTKD_3
2	000172	0650090122	19/06/1999	Nguyễn Lê Phương Thảo	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	06_ĐHQTKD_3
3	000173	0650090127	06/08/1999	Ngô Bích Thủy Tiên	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_ĐHQTKD_3
4	000174	0650030003	15/08/1999	Huỳnh Nhất Anh	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHTĐ_1
5	000175	0650030036	11/11/1999	Phạm Tấn Phúc	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_ĐHTĐ_1
6	000176	650030043	29/03/1999	Đỗ Thị Kim Quyên	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHTĐ_1
7	000177	0650030045	21/01/1999	Nguyễn Hoàng Tâm	70	350	8.0	5.0	Miễn AV1&AV2	06_ĐHTĐ_1
8	000178	0650030046	20/01/1999	Đào Hữu Hoài Thanh	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_ĐHTĐ_1
9	000179	0650030057	13/02/1999	Nguyễn Văn Tuấn	85	425	10.0	9.0	Miễn AV1&AV2	06_ĐHTĐ_1
10	000180	0650030062	29/08/1998	Nguyễn Minh Tuấn Vũ	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHTĐ_1
11	000181	0650030011	06/02/1999	Phạm Đình Đông	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_ĐHTĐCT
12	000182	0650030014	25/06/1999	Mai Đức Hà	52	260	4.7	3.7	Học AV1	06_ĐHTĐCT
13	000183	0650030030	11/12/1999	Nguyễn Kỳ Chí Nguyên	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_ĐHTĐCT
14	000184	0650030032	06/04/1999	Trần Võ Phi	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHTĐCT
15	000185	0650030033	21/04/1999	Võ Thanh Phong	48	240	4.1	3.4	Học AV1	06_ĐHTĐCT
16	000186	0650030035	21/04/1998	Nguyễn Duy Phúc	26	130	2.2	1.9	Chưa đạt	06_ĐHTĐCT
17	000187	0650030047	14/07/1999	Phạm Quốc Thịnh	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	06_ĐHTĐCT
18	000188	0650150002	03/05/1999	Lưu Văn An	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHTNN
19	000189	0650150006	05/07/1999	Nguyễn Huy Bình	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_ĐHTNN
20	000190	0650150016	13/10/2020	Phạm Khánh Linh	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_ĐHTNN
21	000191	0650150022	23/04/1999	Lê Thị Thanh Nhân	41	205	3.5	2.9	Học AV1	06_ĐHTNN
22	000192	0650150030	24/10/1998	Trần Thanh Hoa_I Thương	45	225	3.9	3.2	Học AV1	06_ĐHTNN
23	000193	0650150034	12/08/1998	Trần Thị Huyền Trang	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_ĐHTNN

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
24	000194	0650150040	20/11/1999	Nguyễn Thị Thùy Vân	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_ĐHTNN
25	000195	0650090097	24/12/1996	Nguyễn Ngọc Đức	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_QTKD_3
26	000196	0750080028	13/05/2000	Nguyễn Hoàng Gia Quy	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHCNTT_1
27	000197	0750080066	30/05/2000	Nguyễn Hoàng Thiên Khải	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHCNTT_2
28	000198	0750080079	26/02/2000	Phan Kim Ngân	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHCNTT_2
29	000199	0750080093	01/10/2000	Nguyễn Thành Trung	49	245	4.2	3.5	Học AV1	07_ĐHCNTT_2
30	000200	0750080094	24/01/2000	Ngô Quang Trường	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	07_ĐHCNTT_2
31	000201	0750080099	05/07/2000	Phạm Đức Anh	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHCNTT_3
32	000202	0750080132	15/02/2000	Lê Hồng Phát	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHCNTT_3
33	000203	0750080174	27/04/2000	Lê Tấn Ngọc	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHCNTT_4
34	000204	0750080183	18/07/1999	Sơn Sẹn	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHCNTT_4
35	000357	0750090049	07/01/2000	Phạm Thanh Tuyển	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHQTKD_1
36	000358	0650090134	02/11/1998	Lâm Dũng Thu Uyên	45	225	3.9	3.2	Học AV1	06_ĐHQTKD_3
37	000359	0450040317	17/02/1997	Lê Thu Hoàng Vy		0			Chưa đạt	04_ĐHQLĐĐ_6

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu



Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Chị Lê
Cô Thị Lê

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019 - 2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **9:30, 18/07/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C21**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000205	0750080190	29/10/2000	Hồ Quốc Toàn	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHCNTT_4
2	000206	0750060027	17/11/2000	Nguyễn Tấn Lợi	64	320	6.5	4.6	Học AV2	07_ĐHCTN
3	000207	0750060045	19/06/2000	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHCTN
4	000208	0750100012	08/08/1998	Tạ Thanh Linh	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	07_ĐHĐC
5	000209	0750100024	25/09/2000	Nguyễn Trần Ngọc Trai	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHĐC
6	000210	0750010011	18/09/2000	Huỳnh Hồng Phúc	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHKT
7	000211	0750010017	31/10/2000	Nguyễn Văn Trường	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_ĐHKT
8	000212	0750110006	22/05/2000	Hứa Hoàng Hùng	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_1
9	000213	0750110007	01/06/2000	Lê Gia Hưng	23	115	2.0	1.6	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_1
10	000214	0750110013	25/10/2000	Phan Thị Tuyết Loan	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_1
11	000215	0750110021	07/05/2000	Đào Thị Bảo Ngân	14	70	1.2	1.0	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_1
12	000216	0750110024	04/12/2000	Võ Ngọc Yến Nhi	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHKTTN_1
13	000217	0750110032	10/08/2000	Nguyễn Mai Như Phương	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_1
14	000218	0750110047	17/10/2000	Trần Thị Thu Xuân	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_1
15	000219	0750110052	03/02/2000	Nguyễn Thị Duyên	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHKTTN_2
16	000220	0750110055	29/06/2000	Trương Thị Hà		0			Chưa đạt	07_ĐHKTTN_2
17	000221	0750110076	29/01/2000	Phan Thị Hồng Phương	46	230	4.0	3.3	Học AV1	07_ĐHKTTN_2
18	000222	0750110082	26/09/2000	Trần Thị Phương Thảo	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHKTTN_2
19	000223	0750020027	18/03/2000	Nguyễn Lâm Thảo Phúc	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHMT_1
20	000224	0750020033	16/11/2000	Võ Thị Hồng Thư	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHMT_1
21	000225	0750020038	19/02/2000	Phạm Thị Quỳnh Trang	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHMT_1
22	000226	0750020048	04/12/1999	Phạm Trung Đức	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHMT_2
23	000227	0750020052	07/02/2000	Đào Thị Kim Hoàng	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHMT_2
24	000228	0750020063	17/06/2000	Trần Phước Nhật	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_ĐHMT_2

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000229	0750020064	07/03/2000	Nguyễn Mai Quỳnh	Như	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHMT_2
26	000230	0750020069	19/01/2000	Vũ Tuấn	Tài	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_ĐHMT_2
27	000231	0750020080	10/02/2000	Lê Anh	Văn	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHMT_2
28	000232	0750020086	27/10/2000	Lê Nguyễn Văn	Anh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHMT_3
29	000233	0750020123	03/09/2000	Huỳnh Kim	Trúc	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHMT_3
30	000234	0750040022	07/06/2000	Nguyễn Hữu	Nhân	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHQLĐĐ_1
31	000235	0750040064	14/08/2000	Đặng Thị Thu	Hồng	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHQLĐĐ_2
32	000236	0750040065	24/07/2000	Đặng Trần Diệu	Hương	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	07_ĐHQLĐĐ_2
33	000237	0750040072	05/04/2000	Trần Lê Mỹ	Linh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHQLĐĐ_2
34	000238	0750040084	03/09/2000	Nguyễn Lâm Phương	Quỳnh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHQLĐĐ_2

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu



Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Le Thi Le

Le Thi Le

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019 - 2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **9:30, 18/07/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C22**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000239	0750040086	09/01/2000	Vũ Xuân	Sinh	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_2
2	000240	0750040135	12/02/2020	Nguyễn Tấn Duy	Nam	25	125	2.2	1.8	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_3
3	000241	0750040136	10/05/2000	Mai Thị Kim	Ngân	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_3
4	000242	0750040139	12/05/2000	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_3
5	000243	0750040141	23/02/2000	Võ Bùi Thanh	Phong	25	125	2.2	1.8	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_3
6	000244	0750040143	10/01/2000	Lê Thị Như	Phượng	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_3
7	000245	0750040147	08/09/2000	Diệp Minh	Thi	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_3
8	000246	0750040152	07/11/2000	Nguyễn Thị Minh	Trang	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_3
9	000247	0750040155	09/07/2000	Phạm Văn	Trọng	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_3
10	000248	0750040163	20/01/2000	Phan Quốc	Cường	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_4
11	000249	0750040165	06/09/2000	Lê Thị Ngọc	Dung	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_4
12	000250	0750040169	15/07/2000	Hoàng Thị Diệu	Hoài	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_4
13	000251	0750040180	22/08/2000	Nguyễn Thị Kim	Lý	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_4
14	000252	0750040183	20/03/2000	Võ Thị Tuyết	Ngân	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_4
15	000253	0750040189	06/11/2000	Nguyễn Phan Ngọc	Phát	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_4
16	000254	0750040192	29/08/2000	Nguyễn Thiện	Quang	60	300	5.5	4.3	Học AV2	07_ĐHQTLĐĐ_4
17	000255	0750040196	18/05/2000	Nguyễn Minh	Tân	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_4
18	000256	0750040200	02/11/2000	Từ Thị Thanh	Thảo	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_4
19	000257	0750040202	19/05/2000	Phương Thị	Thu	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHQTLĐĐ_4
20	000258	0750040206	31/05/2000	Nguyễn Hoàng Kim	Trang	63	315	6.3	4.5	Học AV2	07_ĐHQTLĐĐ_4
21	000259	0750040210	09/01/2000	Trần Cẩm	Tú	69	345	7.8	4.9	Học AV2	07_ĐHQTLĐĐ_4
22	000260	0750040219	04/10/2000	Nguyễn Văn	Du	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_5
23	000261	0750040222	02/02/2000	Đỗ Tấn	Dũng	39	195	3.4	2.8	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_5
24	000262	0750040224	06/10/2000	Lý Đỗ Hoàng	Hải	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHQTLĐĐ_5

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000263	0750040254	13/02/1999	Trần Thị Thanh Thúy	49	245	4.2	3.5	Học AV1	07_DHQLĐĐ_5
26	000264	0750040184	24/10/2000	Nguyễn Thị Thảo Ngân	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ+4
27	000265	0750120001	31/07/2000	Nguyễn Lan Anh	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_DHQLTN_1
28	000266	0750120014	26/08/2000	Ngô Thu Hương	70	350	8.0	5.0	Miễn AV1&AV2	07_DHQLTN_1
29	000267	0750120019	26/10/2000	Bùi Phạm Mỹ Kiều	46	230	4.0	3.3	Học AV1	07_DHQLTN_1
30	000268	0750120036	01/06/2000	Nguyễn Anh Thư	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_DHQLTN_1
31	000269	0750120041	16/06/2000	Nguyễn Quốc Toàn	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_DHQLTN_1
32	000270	0750120045	20/04/2000	Lê Thành Trung	73	365	8.6	5.9	Miễn AV1&AV2	07_DHQLTN_1
33	000271	0750120079	28/10/2000	Lý Thanh Tâm	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_DHQLTN_2
34	000272	0750120082	19/09/2000	Hà Nguyễn Bích Thảo	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_DHQLTN_2

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu



Huỳnh Duyên

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Vũ Xuân Cường

Vũ Xuân Cường

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Cô Chi Lê

Cô Chi Lê

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2019 - 2020**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá:

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **9:30, 18/07/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C32**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000307	0750090212	07/10/2000	Phạm Thanh Hiền	54	270	4.8	3.9	Học AV1	07_ĐHQTKD_5
2	000308	0750090223	15/08/2000	Trịnh Thị Hà Nhi	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_5
3	000309	0750090240	26/04/2000	Huỳnh Quyết Tiến	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_5
4	000310	0750090245	09/11/2000	Trần Ngọc Trinh	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHQTKD_5
5	000311	0750030004	13/09/2000	Nguyễn Chí Đại	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHTĐ_1
6	000312	0750030006	14/01/2000	Nguyễn Văn Đông	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	07_ĐHTĐ_1
7	000313	0750030003	10/03/2000	Nguyễn Hoàng Duy	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_1
8	000314	0750030009	24/08/2000	Nguyễn Đức Hoàng	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHTĐ_1
9	000315	0750030011	26/04/2000	Nguyễn Trọng Hưng	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHTĐ_1
10	000316	0750030013	13/11/2000	Lê Hoàng Ngọc Khang	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_1
11	000317	0750030017	03/12/2000	Ngô Hải Nguyên	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_1
12	000318	0750030025	07/12/2000	Ksor Thách	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_1
13	000319	0750030028	12/03/2000	Trương Ngọc Thảo	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_1
14	000320	0750030029	24/07/2000	Nguyễn Trường Thọ	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_1
15	000321	0750030033	02/06/2000	Vũ Trường An	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2
16	000322	0750030038	25/02/2000	Nguyễn Tấn Du	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2
17	000323	0750030046	08/02/2000	Hứa Huy Hiệu	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2
18	000324	0750030051	12/11/2000	Nguyễn Thành Khôi	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2
19	000325	0750030058	14/06/2000	Nguyễn Thanh Nhân	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHTĐ_2
20	000326	0750030059	29/04/2000	Đặng Thanh Nhựt	23	115	2.0	1.6	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2
21	000327	0750030064	02/07/2000	Đinh Nguyễn Chí Tâm	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHTĐ_2
22	000328	0750030068	12/10/2000	Nguyễn Phước Thiện	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2
23	000329	0750030074	08/01/2000	Lê Minh Triết	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHTĐ_2

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
24	000330	0750160001	04/02/2000	Nguyễn Thị Kim Anh	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHTHTNN
25	000331	0750160013	18/06/2000	Trần Thị Mai Hồng	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTHTNN
26	000332	070160025	13/12/1999	Lê Nguyễn Hoài Phú	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHTHTNN
27	000333	0750160026	26/04/1999	Phúc Văn Sỹ	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHTHTNN
28	000334	0750160033	01/12/2000	Phạm Nguyễn Đình Văn	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHTHTNN
29	000335	0750160036	11/10/2000	Đặng Thị Trường Yên		0			Chưa đạt	07_ĐHTHTNN
30	000336	0750150007	15/10/2000	Hồng Bảo Tâm	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHTNN
31	000337	0750150010	06/09/2000	Phạm Anh Tuấn	19	95	1.6	1.4	Chưa đạt	07_ĐHTNN
32	000338	0750150011	24/09/2000	Trương Ngọc Xuyên	25	125	2.2	1.8	Chưa đạt	07_ĐHTNN
33	000339	0450020167	24/01/1997	Nguyễn Việt Mạnh	42	210	3.6	3.0	Học AV1	
34	000340	0550020073	14/10/1997	Trương Hải Lâm	64	320	6.5	4.6	Học AV2	
35	000341	0750090203	06/06/1999	Võ Thị Ngọc Ánh	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_ĐH_QTKD5

Tp. HCM, Ngày 28 tháng 7 năm 2020



Chủ tịch Hội đồng

Ký tên - Đóng dấu

Huỳnh Duyên

**Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi**

Vũ Xuân Cường

**Trưởng bộ môn
Tiếng Anh**

Quỳnh Lê Thị Lệ